

Số: 52/2021/QĐST-HNGĐ

H, ngày 30 tháng 03 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 36, Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 676/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020, về đơn xin ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*** Nguyên đơn: Chị Hoàng Tố A – sinh năm 199x**

Trú tại: Số 2x tổ x phường S, thành phố C, tỉnh C.

*** Bị đơn: Anh Nguyễn Đại B – sinh năm 198x**

Trú tại: Số 1x ngách 2x ngõ 7x phố x, phường Q, quận H, thành phố H.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 03 năm 2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 03 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa:

Chị Hoàng Tố A

sinh năm 199x

Anh Nguyễn Đại B

sinh năm 198x

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh B cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nhất trí cùng thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên xác nhận có 01 con chung:

Nguyễn Hoàng C, sinh năm 201x

Sau khi ly hôn hai bên thống nhất giao cháu C cho anh B trực tiếp chăm sóc, và nuôi dưỡng kể từ ngày quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị A có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được phép ngăn cản.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Khi ly hôn hai bên thống nhất thỏa thuận, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung kể từ ngày quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản và nhà ở chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết. Nên Tòa án không xét.

2.5. Về nợ chung: Hai bên xác nhận không vay nợ ai, cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết. Nên Tòa án không xét.

2.6. Về lệ phí: Chị A tự nguyện chịu toàn bộ là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp tại biên lai số AA/2019/000xxxx ngày 21 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường Q, quận H, thành phố H; (Giấy chứng nhận kết hôn số x7/201x, năm 201x)
- Chi cục thi hành án quận H
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

PHẠM XUÂN THỦY